

NỘI DUNG ÔN THI KIỂM TRA CHUYÊN ĐỔI MÔN HỌC
KHỐI 11- NĂM HỌC 2023-2024

BÀI 2 .TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ

I. TRẮC NGHIỆM

D. giáo dục, chính trị và sản xuất.

D. đầu tư nước ngoài ngày càng mở rộng giữa các nước.

D. tăng cường sự hợp tác về kinh tế, văn hóa giữa các nước.

D. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

D. tăng sức ép tính tự chủ về quyền lực mỗi nước.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với lợi ích do khu vực hóa kinh tế mang lại?

- A. Thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường của các quốc gia.
- B. Tạo lập những thị trường chung của khu vực rộng lớn.
- C. Gia tăng sức ép cho mỗi quốc gia về tính tự chủ kinh tế.
- D. Tăng cường thêm quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Hãy phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới?

BÀI 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ AN NINH TOÀN CẦU

Câu 1. Hãy cho biết một số vấn đề an ninh toàn cầu, trình bày ít nhất một vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay?

Câu 2. Tại sao phải bảo vệ hoà bình thế giới?

BÀI 7. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI VÀ KINH TẾ KHU VỰC MỸ LA-TINH

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Khu vực Mỹ Latinh có kinh tế còn chậm phát triển chủ yếu do

- A. chính trị thiếu ổn định, quản lý yếu, tham nhũng nhiều.
- B. bạo lực và tệ nạn ma túy, dân trí chưa cao, tham nhũng.
- C. lạm phát, nạn tham nhũng, tỉ lệ thất nghiệp còn khá lớn.
- D. quản lý yếu, gắn kết trong khu vực yếu, nạn tham nhũng.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế khu vực Mỹ La tinh?

- A. Tổng GDP của toàn khu vực ở mức thấp.
- B. Chênh lệch GDP giữa các nước rất nhiều.
- C. Nhiều nước mang nợ nước ngoài rất cao.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP ở mức độ nhanh.

Câu 3: Tốc độ phát triển GDP của Mỹ La tinh không đều qua các năm chủ yếu do

- A. tình hình chính trị thường xuyên bất ổn định.
- B. thị trường thế giới thường xuyên biến động.
- C. nguồn tài nguyên đang ngày càng cạn kiệt.
- D. nguồn lao động kỹ thuật cao không bổ sung.

Câu 4: Nguyên nhân chủ yếu làm kinh tế nhiều nước ở Mỹ La tinh hiện nay giảm sút là

- A. thể chế còn yếu kém, vẫn nạn tham nhũng tràn lan.

- B. tập trung cho khai khoáng và xuất khẩu tài nguyên.
- C. đại dịch COVID-19 và người nông dân không có đất.
- D. đô thị hóa tự phát, lạm phát và tham nhũng nhiều.

Câu 5: Ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của khu vực Mỹ Latinh là

- A. nông nghiệp.
- B. công nghiệp.
- C. dịch vụ.
- D. xây dựng.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến phát triển kinh tế xã hội khu vực Mỹ La-tinh?

Câu 2. Quá trình đô thị hoá của Mỹ La-tinh có ảnh hưởng tích cực và tiêu cực gì đến phát triển kinh tế-xã hội của của khu vực?

BÀI 11. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI VÀ KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Trong cơ cấu kinh tế của nhiều nước Đông Nam Á hiện nay, tỉ trọng của nông - lâm - ngư giảm, do tác động chủ yếu của

- A. quá trình công nghiệp hóa.
- B. quá trình đô thị hóa.
- C. hiện đại hóa nông nghiệp.
- D. toàn cầu hóa kinh tế.

Câu 2: Nền nông nghiệp Đông Nam Á có tính chất

- A. ôn đới.
- B. cận nhiệt đới.
- C. nhiệt đới.
- D. xích đạo.

Câu 3: Ngành chiếm tỉ trọng lớn về giá trị sản xuất trong cơ cấu nông nghiệp ở nhiều các nước Đông Nam Á là

- A. trồng trọt.
- B. chăn nuôi.
- C. dịch vụ.
- D. thủy sản.

Câu 4: Cây công nghiệp lâu năm nhiệt đới được phát triển mạnh ở nhiều nước Đông Nam Á là do có

- A. đất feralit rộng, nhiều loại màu mỡ; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.
- B. đất phù sa diện tích rộng, màu mỡ; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.
- C. đất đai đa dạng, nhiều loại tốt; khí hậu xích đạo và nhiệt đới gió mùa.
- D. đất đai có nhiều loại, diện tích rộng; khí hậu nhiệt đới và cận xích đạo.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về cây lúa nước ở Đông Nam Á?

- A. Là cây lương thực truyền thống và quan trọng của khu vực.
- B. Sản lượng lúa của các nước ở khu vực không ngừng tăng.
- C. Các nước đã cơ bản giải quyết được nhu cầu lương thực.
- D. Thái Lan và Việt Nam đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo.

Câu 6: Lúa nước được trồng nhiều ở

- A. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp.

- B. các sườn đồi có độ dốc nhỏ ở đồi núi.
- C. các cao nguyên đất đỏ badan màu mỡ.
- D. các đồng bằng thấp giữa các miền núi.

Câu 7: Điều kiện thuận lợi chủ yếu nhất ở Đông Nam Á để trồng cây lúa nước là

- A. nền nhiệt quanh năm cao, nhiều nước, độ ẩm dồi dào; đất phù sa.
- B. có hai mùa mưa, khô; đủ nước tưới tiêu, nền nhiệt cao; đất feralit.
- C. có một mùa đông lạnh; nền nhiệt cao, đủ nước tưới tiêu; đất phù sa.
- D. nền nhiệt quanh năm cao; đất feralit có diện tích rộng, đủ nước tưới.

Câu 8: Nhiều nước ở Đông Nam Á phát triển mạnh đánh bắt hải sản, chủ yếu do có

- A. nhu cầu thực phẩm lớn.
- B. vùng biển xung quanh.
- C. nhiều ngư trường lớn.
- D. dân nhiều kinh nghiệm.

Câu 9: Điều kiện thuận lợi để phát triển đánh bắt hải sản ở nhiều nước Đông Nam Á là

- A. vùng biển rộng, đường bờ biển dài.
- B. đường bờ biển dài; nhiều vũng, vịnh.
- C. vùng biển rộng, nhiều ngư trường lớn.
- D. nhiều ngư trường lớn, nhiều quần đảo.

Câu 10: Điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn ở nhiều nước Đông Nam Á là có nhiều

- A. sông, hồ, bãi triều.
- B. bãi triều, vũng, vịnh.
- C. vũng, vịnh, sông, hồ.
- D. bãi triều, đầm phá.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực Đông Nam Á?

Câu 2. Hãy phân tích ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực Đông Nam Á?

BÀI 14. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI VÀ KINH TẾ KHU VỰC TÂY NAM Á

I. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất nông nghiệp của khu vực Tây Nam Á?

Câu 2. Tại sao công nghiệp dầu khí là ngành quan trọng trong nền kinh tế ở nhiều quốc gia Tây Nam Á?

BÀI 16. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI HOA KỲ

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Vị trí địa lí của Hoa Kỳ nằm ở

- A. bán cầu Tây.
- B. bán cầu Nam.
- C. tiếp giáp với Cu Ba.
- D. tiếp giáp Ấn Độ Dương.

Câu 2: Hoa Kỳ tiếp giáp với

- A. Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương, Mê-hi-cô, Ca-na-đa.
- B. Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương, Mê-hi-cô, Ca-na-đa.
- C. Nam Đại Dương, Thái Bình Dương, Mê-hi-cô, Ca-na-đa.
- D. Đại Tây Dương, Thái Bình Dương, Mê-hi-cô, Ca-na-đa.

Câu 3: Vị trí của Hoa Kỳ có nhiều thuận lợi trong giao lưu kinh tế với

- A. ASEAN, các nước ở châu Âu.
- B. EU, các quốc gia ở Mỹ Latinh.
- C. Trung Quốc, các nước Đông Á.
- D. Ả-rập Xê-út, các nước châu Phi.

Câu 4: Ngoài phần đất ở trung tâm Bắc Mỹ, Hoa Kỳ còn bao gồm

- A. bán đảo A-la-xca và quần đảo Ha-oai.
- B. quần đảo Ha-oai và quần đảo Ăng-ti lớn.
- C. quần đảo Ăng-ti lớn, quần đảo Ăng-ti nhỏ.
- D. quần đảo Ăng-ti nhỏ và bán đảo A-la-xca.

Câu 5: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của Hoa Kỳ?

- A. Nằm ở bán cầu Đông.
- B. Giáp Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.
- C. Tiếp giáp Ca-na-đa và khu vực Mỹ Latinh.
- D. Ở trên lục địa Bắc Mỹ.

Câu 6: Vùng phía Đông Hoa Kỳ có

- A. các dãy núi trẻ chạy theo hướng bắc - nam.
- B. nhiều kim loại màu như vàng, đồng, chì.
- C. tài nguyên năng lượng hết sức phong phú.
- D. các đồng bằng phù sa ven Đại Tây Dương.

Câu 7: Vùng phía Tây Hoa Kỳ có

- A. dãy A-pa-lat với độ cao trung bình, sườn thoải.
- B. than đá, quặng sắt trữ lượng lớn, dễ khai thác.
- C. các đồng bằng phù sa ven Đại Tây Dương rộng.
- D. các bồn địa và cao nguyên với khí hậu khô hạn.

Câu 8: Vùng Trung tâm Hoa Kỳ có

- A. dãy A-pa-lat với độ cao trung bình, sườn thoải.
- B. than đá, quặng sắt trữ lượng lớn, dễ khai thác.
- C. trữ năng thủy điện và diện tích rừng tương đối lớn.
- D. đồng bằng phù sa do sông Mi-xi-xi-pi bồi đắp.

Câu 9: Kiểu khí hậu chủ yếu của phần lãnh thổ trung tâm Hoa Kỳ là

- A. ôn đới
- B. hoang mạc và ôn đới lục địa.
- C. cận nhiệt đới
- D. nhiệt đới gió mùa.

Câu 10: Than đá và quặng sắt có trữ lượng rất lớn của Hoa Kỳ tập trung chủ yếu ở nơi nào sau đây?

- A. Vùng phía Tây và vùng Trung tâm.
- B. Vùng phía Đông và vùng Trung tâm.
- C. Vùng Trung tâm và A-la-xca.
- D. Vùng phía Đông và Ha-oai.

BÀI 17. KINH TẾ HOA KỲ

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Nền kinh tế Hoa Kỳ phát triển cao **không** phải do

- A. phát triển cao độ nền kinh tế thị trường.
- B. đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu phát triển.
- C. lao động năng suất cao, tiêu dùng nhiều.
- D. thu hút nhiều nguồn đầu tư nước ngoài.

Câu 2: Thuận lợi chủ yếu để phát triển kinh tế của Hoa Kỳ **không** phải là

- A. tài nguyên thiên nhiên giàu có.
- B. nguồn lao động kỹ thuật dồi dào.
- C. đất nước tránh được chiến tranh.
- D. phát triển từ nước tư bản lâu đời.

Câu 3: Ngành dịch vụ của Hoa Kỳ có

- A. tỉ trọng trong GDP lớn nhất.
- B. số lượng lao động khá đông.
- C. tốc độ tăng trưởng khá nhỏ.
- D. hàng hóa ít có sự đa dạng.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với giao thông vận tải của Hoa Kỳ hiện nay?

- A. Mạng lưới đường bộ đến khắp mọi miền.
- B. Phương tiện vận tải hiện đại nhất thế giới.
- C. Có số lượng sân bay nhiều nhất thế giới.
- D. Vận tải đường hàng hải không phát triển.

Câu 5: Hoa Kỳ là

- A. siêu cường công nghiệp của thế giới.
- B. chỉ đầu tư mạnh ngành khai khoáng.
- C. chỉ phát triển mạnh ngành chế biến.
- D. nước ít chú trọng ngành năng lượng.

Câu 6: Các ngành sản xuất công nghiệp truyền thống của Hoa Kỳ hiện nay chủ yếu tập trung ở vùng

- A. Đông Bắc.
- B. Đông Nam.

C. ven Thái Bình Dương.

D. ven vịnh Mê-hi-cô.

Câu 7: Công nghiệp Hoa Kỳ có sự dịch chuyển phân bố từ vùng Đông Bắc đến

A. vùng phía Nam.

B. vùng phía Bắc.

C. ven Đại Tây Dương.

D. vùng Trung tâm.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ?

A. Nền nông nghiệp đứng hàng đầu thế giới và ngày càng hiện đại hóa.

B. Hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp chủ yếu là trang trại.

C. Sản xuất theo hướng đa dạng hóa nông sản trên cùng một lãnh thổ.

D. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu cung cấp cho nhu cầu trong nước.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây đúng với nông nghiệp của Hoa Kỳ?

A. Hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu là hộ gia đình.

B. Nền nông nghiệp hàng hóa phát triển mạnh.

C. Là nước xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới.

D. Hiện nay, các vành đai chuyên canh phát triển mạnh.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây đúng với vùng Đông Bắc Hoa Kỳ?

A. Là vùng có kinh tế phát triển sớm nhất của Hoa Kỳ.

B. Các trung tâm kinh tế chính: Hiuxton, Niu Ooclin.

C. Phát triển mạnh trồng ngô, đỗ tương, cây ăn quả.

D. Nổi bật các ngành khai thác và chế biến dầu mỏ.

BÀI 19. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI LIÊN BANG NGA

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Lãnh thổ của Liên bang Nga

A. có diện tích rộng nhất thế giới.

B. nằm hoàn toàn ở châu Âu.

C. giáp Ấn Độ Dương.

D. liền kề với Đại Tây Dương.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của Liên bang Nga?

A. Nằm ở châu lục Á, Âu.

B. Nằm ở bán cầu Bắc.

C. Giáp với Thái Bình Dương.

D. Giáp với Đại Tây Dương.

Câu 3: Liên bang Nga **không** phải là một đất nước có

A. đường biên giới xấp xỉ chiều dài Xích đạo.

B. chiều đông - tây trải dài trên 11 múi giờ.

C. Giáp nhiều biển rộng và đại dương lớn.

D. lãnh thổ nằm hoàn toàn ở châu Âu.

Câu 4: Lãnh thổ Liên bang Nga không giáp với biển nào sau đây?

- A. Ban-tích. B. Biển Đen. C. Ca-xpi. **D.** Địa Trung Hải.

Câu 5: Liên bang Nga giáp với các đại dương nào sau đây?

- A.** Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương. B. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương.
C. Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương. D. Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương.

Câu 6: Nơi có nhiều thuận lợi cho trồng cây lương thực của Nga là

- A.** đồng bằng Đông Âu. B. đồng bằng Tây Xi-bia.
C. đồng Xi-bia. D. phần phía Đông.

Câu 7: Dầu mỏ của Nga tập trung nhiều ở

- A. đồng bằng Đông Âu. **B.** đồng bằng Tây Xi-bia.
C. cao nguyên Trung Xi-bia. D. ven Bắc Băng Dương.

Câu 8: Dãy núi U-ran là nơi tập trung nhiều

- A. dầu mỏ. B. khí tự nhiên. **C.** than đá. D. kim cương.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tự nhiên nước Nga?

- A. Địa hình cao ở phía đông, thấp dần về phía tây.
B. Phần phía Tây chủ yếu là đồng bằng và vùng trũng.
C. Phần phía Đông phần lớn là núi và cao nguyên.
D. Dãy U-ran là ranh giới của phần phía Đông và phần phía Tây.

Câu 10: Đồng bằng Tây Xi-bia là nơi

- A.** chủ yếu là đầm lầy. B. có nhiều than, quặng sắt.
C. trồng nhiều cây lương thực. D. là nơi chăn nuôi chính.

BÀI 20. KINH TẾ LIÊN BANG NGA

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với kinh tế của Liên bang Nga?

- A. Công nghiệp là ngành xương sống của nền kinh tế.
B. Khai thác dầu khí là ngành mũi nhọn của nền kinh tế.
C. Các ngành dịch vụ của đất nước đang phát triển mạnh.
D. Quỹ đất nông nghiệp lớn và chỉ phát triển trồng trọt.

Câu 2: Ngành công nghiệp hiện đại của Liên bang Nga là

- A.** hàng không vũ trụ. B. khai khoáng.
C. đóng tàu. D. sản xuất gỗ.

Câu 3: Ngành công nghiệp truyền thống của Liên bang Nga là

- A. điện tử, tin học. B. hàng không vũ trụ.

C. luyện kim.

D. Chế tạo máy bay

Câu 4: Công nghiệp Nga tập trung chủ yếu nhất ở vùng nào sau đây?

A. Đồng bằng Đông Âu.

B. Đồng bằng Tây Xi-bia.

C. Khu vực dãy U-ran.

D. Khu vực Viễn Đông.

Câu 5: Các trung tâm công nghiệp rất lớn của Liên bang Nga là

A. Mát-xcơ-va và Xanh Pê-téc-bua.

B. Xanh Pê-téc-bua và Nô-vô-xi-biéc.

C. Nô-vô-xi-biéc và Vla-đi-vô-xtôc.

D. Vla-đi-vô-xtôc và Ác-khan-ghe.

Câu 6: Trung tâm công nghiệp lớn nằm ở phía Đông nước Nga là

A. Ma-ga-đan.

B. Nô-vô-xi-biéc.

C. Ác-khan-ghe.

D. Êcatenrinbua.

Câu 7: Trong cơ cấu sản lượng điện của Liên bang Nga năm 2020, nhóm nào chiếm tỉ lệ cao nhất?

A. Điện hạt nhân

B. Thủy điện

C. Nhiệt điện khí.

D. Nhiệt điện than

Câu 8: Phát biểu nào sau đây đúng với hoạt động ngoại thương của Liên bang Nga?

A. Có đủ các loại hình giao thông.

B. Có hệ thống đường sắt xuyên Xi-bia.

C. Nhiều hệ thống đường được nâng cấp, mở rộng.

D. Tổng kim ngạch ngoại thương liên tục tăng.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về mạng lưới giao thông vận tải Liên bang Nga?

A. Phát triển mạnh, có đủ các loại hình giao thông.

B. Có tổng chiều dài đường sắt đứng sau Hoa Kỳ.

C. Có mạng lưới kênh đào nối lưu vực các sông lớn.

D. Mạng lưới đường ống chỉ phân bố trong lãnh thổ.

Câu 10: Thủ đô Mat-xcơ-va của Nga nổi tiếng trên toàn thế giới về

A. mạng lưới đường bộ đô thị.

B. hệ thống đường xe điện ngầm.

C. các tuyến đường sắt trên cao.

D. các cảng và tuyến đường sông.

II. PHÂN TỰ LUẬN

Câu 1. Chứng minh rằng công nghiệp Liên bang Nga có cơ cấu ngành đa dạng.

BÀI 22. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI NHẬT BẢN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Nhật Bản nằm ở vị trí nào sau đây?

A. Đông Á.

B. Nam Á.

C. Bắc Á.

D. Tây Á.

Câu 2: Đảo có diện tích lớn nhất Nhật Bản là

- A. Hô-cai-đô. B. Hôn-su. C. Xi-cô-cur. D. Kiu-xiu.

Câu 3: Đảo nằm ở phía bắc của Nhật Bản là

- A. Hôn-su. B. Hô-cai-đô. C. Xi-cô-cur. D. Kiu-xiu.

Câu 4: Nhật Bản **không** phải là một đất nước

- A. quần đảo, trải ra hình vòng cung. B. có 4 đảo lớn từ bắc xuống nam.
C. có hàng ngàn đảo nhỏ gần bờ. D. giàu có tài nguyên khoáng sản.

Câu 5: Khí hậu phía nam Nhật Bản phân biệt với phía bắc bởi

- A. mùa đông kéo dài, lạnh. B. mùa hạ nóng, mưa to và bão.
C. có nhiều tuyết về mùa đông. D. nhiệt độ thấp và ít mưa.

Câu 6: Khoáng sản nào sau đây được xem là đáng kể ở Nhật Bản?

- A. Đồng. B. Chì. C. Than. D. Sắt.

Câu 7: Đặc điểm nổi bật của dân cư Nhật Bản là

- A. dân số không đông. B. tập trung ở miền núi.
C. tốc độ gia tăng cao. D. cơ cấu dân số già.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân cư Nhật Bản?

- A. Nhật Bản là một nước đông dân. B. Phần lớn dân ở các đô thị ven biển.
C. Tỉ suất gia tăng tự nhiên dân số cao. D. Tỉ lệ người già ngày càng gia tăng.

Câu 9: Dân cư Nhật Bản phân bố tập trung ở

- A. đồng bằng ven biển. B. các vùng núi ở giữa.
C. dọc các dòng sông. D. ở các sườn núi thấp.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây đúng về đô thị hóa ở Nhật Bản?

- A. Tỉ lệ dân thành thị cao. B. Không có siêu đô thị.
C. Số lượng đô thị rất ít. D. Dân đô thị đang giảm.

BÀI 25. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI TRUNG QUỐC

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Đặc điểm tự nhiên của miền Đông Trung Quốc là có

- A. các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa màu mỡ.
B. các dãy núi cao, sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa.
C. nhiều tài nguyên rừng, nhiều khoáng sản và đồng cỏ.
D. thượng nguồn của các sông lớn theo hướng tây đông.

Câu 2: Đặc điểm tự nhiên của miền Tây Trung Quốc là có

- A. các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa màu mỡ.
- B. các dãy núi cao, sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa.
- C. kiểu khí hậu cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa.
- D. nhiều tài nguyên khoáng sản kim loại màu nổi tiếng.

Câu 3: Sông nào sau đây không bắt nguồn từ vùng núi cao đồ sộ ở phía tây Trung Quốc?

- A. Mê Công.
- B. Hoàng Hà.
- C. Hắc Long Giang.
- D. Trường Giang.

Câu 4: Đồng bằng thường bị ngập lụt lớn nhất ở Trung Quốc là

- A. Hoa Bắc.
- B. Đông Bắc.
- C. Hoa Nam.
- D. Hoa Trung.

Câu 5: Các hoang mạc ở phía Tây Trung Quốc được hình thành trong điều kiện

- A. nằm sâu trong lục địa.
- B. nằm ở địa hình cao.
- C. không có sông ngòi.
- D. có hai mùa mưa, khô.

Câu 6: Điểm tương đồng giữa miền Đông và miền Tây Trung Quốc là

- A. có nhiều khoáng sản.
- B. đất đai màu mỡ.
- C. địa hình bằng phẳng.
- D. sông ngòi ít dốc.

Câu 7: Khí hậu chủ yếu ở miền Tây Trung Quốc là

- A. ôn đới lục địa.
- B. ôn đới gió mùa.
- C. cận nhiệt đới.
- D. nhiệt đới.

Câu 8: Loại khoáng sản của Trung Quốc chiếm hơn một nửa tổng trữ lượng thế giới là

- A. than đá.
- B. đất hiếm.
- C. dầu mỏ.
- D. mangan.

Câu 9: Dân tộc đông nhất ở Trung Quốc là

- A. Choang.
- B. Hán.
- C. Tạng.
- D. Hồi.

Câu 10: Thành tựu của chính sách dân số triệt để (mỗi gia đình chỉ có một con) của Trung Quốc là

- A. giảm tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên.
- B. làm tăng chênh lệch cơ cấu giới tính.
- C. làm tăng số lượng lao động nữ giới.
- D. giảm quy mô dân số của cả nước.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1 .Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Trung Quốc ảnh hưởng như thế nào đến phát triển kinh tế xã hội ?

BÀI 29. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI CỘNG HÒA NAM PHI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Cộng hòa Nam Phi

- A. nằm ở phía nam châu Phi.
- B. giáp với Thái Bình Dương.
- C. liền kề với kênh đào Xuy-ê.
- D. giáp với chỉ một quốc gia.

Câu 2: Cộng hòa Nam Phi án ngữ con đường biển quan trọng giữa

- A. Đại Tây Dương và Nam Đại Dương. **B.** Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.
C. Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. D. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

Câu 3: Vị trí địa lí của Cộng hòa Nam Phi thuận lợi cho phát triển

- A.** đánh bắt hải sản và giao thông hàng hải.
B. giao thông hàng không và ngành du lịch.
C. giao thương với các trung tâm kinh tế lớn.
D. thương mại với tất cả các nước châu Phi.

Câu 4: Phần lớn lãnh thổ Nam Phi thuộc vào khí hậu

- A.** nhiệt đới lục địa. B. nhiệt đới gió mùa. C. ôn đới hải dương. D. ôn đới lục địa.

Câu 5: Phần lãnh thổ phía tây Nam Phi có khí hậu

- A.** nhiệt đới khô. B. nhiệt đới ẩm. C. địa trung hải. D. ôn đới lục địa.

Câu 6: Phần lãnh thổ phía đông Nam Phi có khí hậu

- A. nhiệt đới khô. **B.** nhiệt đới ẩm. C. địa trung hải. D. ôn đới lục địa.

Câu 7: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Nam Phi?

- A. Dải lãnh thổ phía nam mang khí hậu địa trung hải.
B. Là quốc gia giàu đa dạng sinh học, nhiều thú quý hiếm.
C. Diện tích rừng tuy nhỏ nhưng có nhiều cây gỗ quý.
D. Có nhiều sông dài và nhiều hồ nguồn gốc kiến tạo.

Câu 8: Cộng hòa Nam Phi giàu có về khoáng sản

- A.** kim cương và vàng. B. dầu mỏ và than đá.
C. khí tự nhiên và sắt. D. đất hiếm và đồng.

Câu 9: Cộng hòa Nam Phi có

- A. quy mô dân số rất lớn, mật độ dân số cao.
B. tốc độ gia tăng dân số hàng năm khá cao.
C. phân bố dân cư đồng đều giữa các vùng.
D. tỉ lệ dân thành thị rất cao và nhiều đô thị.

Câu 10: Cộng hòa Nam Phi có

- A. quy mô dân số rất lớn, mật độ dân số cao.
B. tốc độ gia tăng dân số hàng năm rất thấp.
C. dân tập trung ở vùng ven biển phía nam.
D. tỉ lệ dân thành thị rất cao và nhiều đô thị.

-----HẾT-----

CẤU TRÚC RA ĐỀ KIỂM TRA CHUYỂN ĐỔI MÔN

THỜI LƯỢNG : 90 PHÚT

- I. PHẦN TRẮC NGHIỆM : 4,0 ĐIỂM (32 CÂU).
- II. PHẦN TỰ LUẬN : 6,0 ĐIỂM
 - 1. Lý thuyết : 3,0 điểm (3 câu).
 - 2. Kỹ năng vẽ biểu đồ (tròn, cột, đường) 1,5 điểm.
 - 3. Kỹ năng nhận xét, giải thích số liệu thống kê: 1,5 điểm
- III. NỘI DUNG
 - 1. HỌC KÌ 01 (Bài 02 đến hết Bài 14) : 4,0 điểm
 - 2. HỌC KÌ 02 (Bài 16 đến hết Bài 29) : 6,0 điểm